TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 145/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phốHuế, ngày 30 tháng 3năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰTHOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việcHôn nhân và gia đình thụ lý số92/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường B, phường P, thành phố H, tỉnh T.

- Anh Ngô Quang T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường L, phường A, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M cùng trình bày:

Anh T, chị M tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H vào ngày 19/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng không thường xuyên chung sống với nhau do anh T có công việc riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn chị M sống ở thành phố H cùng với các con. Do không thường xuyên sống chung nên tình cảm vợ chồng không được tốt, quan điểm sống khác nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T, chị M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Ngô Thanh P, sinh ngày

19/10/2016 và Ngô Thanh V, sinh ngày 01/3/2019. Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M tự nguyện thỏa thuận:

- Giao 02 con chung Ngô Thanh P và Ngô Thanh V cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

- Anh T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng cộng anh T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/009199 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 20 tháng 3 năm 2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung Ngô Thanh P, sinh ngày 19/10/2016 và Ngô Thanh V, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Ngô Quang T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng cộng anh T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng 02 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị Mkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án:Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/009199 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và khôngbị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP Huế;
- UBND phường P, thành phố H;
(GĐKKH số 56/2016 ngày 19/8/2016)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thúc Mỹ